

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **44/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 29-04-2021

V/v: Ly hôn và tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Thoa.

Ông Nguyễn Văn Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 29/4/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 603/2020/TLST-HNGĐ ngày 06/11/2020 về ly hôn và tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/3/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số **23/2021/QĐST-HNGĐ** ngày 12/4/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1982 (*vắng mặt*).

ĐKTT: Ấp B, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai

Nơi ở hiện nay: Khu phố 2, đường B, phường T, Quận N, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1978 (*vắng mặt*).

ĐKTT: Ấp B, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 26/10/2020, trong quá trình làm việc, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hòa trình bày: Vào năm 2005, chị và anh B tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Phú, huyện Xuân Lộc. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng hay cãi nhau, anh B không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Anh chị không còn sống chung với nhau

từ tháng 2009 cho đến nay. Nay chị không còn tình cảm với anh B, do đó yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc B1, sinh ngày 13/3/2007. Hiện nay cháu B1 đang sống cùng với anh B. Do đó, chị đồng ý để cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng cháu B1, chị không cấp dưỡng nuôi con cho anh B.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Trong quá trình làm việc bị đơn anh Nguyễn Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy không có lời trình bày.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc:

Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định pháp luật về tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng, bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, chị H được ly hôn với anh B; Về con chung: giao con chung cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; chị H không cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách tham gia tố tụng: Chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện ly hôn với anh Nguyễn Văn B, do đó xác định chị H là nguyên đơn, anh B là bị đơn theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn B đã được triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh B là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn B tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Phú, do đó quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy: Chị H cho rằng, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ

chồng hay cãi nhau, anh B không có trách nhiệm với vợ con. Anh B đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, cũng như hòa giải, anh B biết việc ly hôn nhưng vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy anh B không có thiện chí trong việc hòa giải đoàn tụ vợ chồng. Hơn nữa, theo kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của anh chị tại địa phương cho thấy anh B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương, tuy nhiên anh chị không còn sống chung với nhau nữa. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Từ khi anh B, chị H không sống chung với nhau cho đến nay thì anh B là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, việc nuôi con chung của anh B là đảm bảo. Mặt khác, cháu Nguyễn Ngọc B1 có nguyện vọng được sống với anh B. Vì vậy, cần thiết giao con chung cho anh Nguyễn Văn B trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu, là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình và nguyện vọng của con chung.

[6] Chị H không cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Văn B. Anh B vắng mặt nên không có lời trình bày về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Chị H trình bày không có, anh B không có lời khai, nên không xem xét giải quyết.

[8] Về nợ chung: Chị H trình bày không có, anh B không có lời khai, nên không giải quyết.

[9] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[10] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 131, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Nguyễn Văn B.
2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc B1, sinh ngày 13/3/2007 cho anh Nguyễn Văn B trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh B vắng mặt, không có lời trình bày về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004342 ngày 26/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được chuyển thành án phí.

Chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H.Xuân Lộc;
- CCTHADS H.Xuân Lộc;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi kết hôn;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Huệ